

# BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

-----o0o-----

## GIỚI THIỆU ĐỀ ÁN

### **Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước (gọi tắt là Đề án 2395)**

#### **1. Lý do hình thành Đề án 2395**

Phát triển nhân lực KH&CN là chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ta đã được ghi nhận trong nhiều văn bản như: Nghị quyết 03-NQ/TW<sup>1</sup>, Nghị quyết 27-NQ/TW<sup>2</sup>, gần đây là Nghị quyết số 20-NQ/TW<sup>3</sup>,... và đã được thể chế hóa thành các quy phạm trong các văn bản quy phạm pháp luật như: Luật KH&CN 2013, Nghị định số 40/2014/NĐ-CP<sup>4</sup>, Nghị định số 87/2014/NĐ-CP<sup>5</sup>, Nghị định số 78/2014/NĐ-CN<sup>6</sup> và nhiều văn bản khác.

Thực thi các chính sách phát triển đội ngũ nhân lực KH&CN hiện hành trong các văn bản nêu trên, trong những năm qua, đội ngũ nhân lực KH&CN nước ta ngày càng được phát triển về lượng và chất và đã có những đóng góp nhất định cho phát triển kinh tế - xã hội.

*Những ưu điểm:*

- Đội ngũ nhân lực KH&CN đã được tăng dần về số lượng và nâng lên về chất lượng, góp phần trực tiếp cùng toàn dân đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, từng bước xóa đói, giảm nghèo, phát triển đất nước, nâng cao chất lượng cuộc sống;

- Đội ngũ nhân lực KH&CN đã đóng góp tích cực vào xây dựng những luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần làm sáng tỏ con đường phát triển của đất nước và giải đáp những vấn đề mới phát sinh trong sự nghiệp đổi mới;

- Đội ngũ nhân lực KH&CN đã đóng góp trực tiếp vào việc đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí và bồi dưỡng nhân tài; đã tạo ra nhiều sản phẩm chất lượng cao, có

<sup>1</sup> Nghị quyết 03-NQ/TW về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

<sup>2</sup> Nghị quyết 27-NQ/TW về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

<sup>3</sup> Nghị quyết số 20-NQ/TW về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế.

<sup>4</sup> Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN.

<sup>5</sup> Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam.

<sup>6</sup> Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30/7/2014 về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng KH&CN khác.

sức cạnh tranh và là nhân tố quan trọng trong việc từng bước nâng cao trình độ KH&CN của đất nước, vươn lên tiếp cận với trình độ của khu vực và thế giới;

- Nhiều nhà khoa học trẻ thể hiện tính năng động, sáng tạo, thích ứng nhanh với kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Nhiều nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài đã về nước làm việc, hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau, có những đóng góp thiết thực vào sự nghiệp phát triển đất nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, đội ngũ nhân lực KH&CN còn bộc lộ nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra, đặc biệt là trước bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra trên phạm vi toàn cầu.

#### *Những hạn chế:*

- Về số lượng, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển đất nước, chưa thể so sánh với nhân lực KH&CN của nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Tính đến năm 2015, số cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nước ta là 6,86 người/10.000 dân<sup>7</sup>. Con số này thấp hơn nhiều so với một số quốc gia trong khu vực, như Trung Quốc là 11 người/10.000 dân, Malaysia là 22 người/10.000 dân, Singapore là 66 người/10.000 dân<sup>8</sup> và mới chỉ đạt hơn 1/2 so với mục tiêu đặt ra trong Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020<sup>9</sup>.

- Về chất lượng, chưa thực sự đóng góp có hiệu quả trong việc nâng cao năng suất, chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; chưa phát huy được vai trò động lực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trình độ nhân lực KH&CN ở nhiều cơ quan nghiên cứu, trường đại học bị tụt hậu so với yêu cầu phát triển đất nước và so với một số nước tiên tiến trong khu vực, nhất là về năng lực sáng tạo, khả năng thực hành và ứng dụng. Trong khoa học tự nhiên và công nghệ, số công trình được công bố ở các tạp chí có uy tín trên thế giới<sup>10</sup>, số sáng chế được đăng ký quốc tế còn rất thấp<sup>11</sup>. Trong khoa học xã hội và nhân văn, nghiên cứu lý luận còn thiếu khả năng dự báo và định hướng, chưa giải đáp được nhiều vấn đề do thực tiễn đổi mới đặt ra, chưa có những công trình sáng tạo lớn, có giá trị đột phá ngang tầm với khu vực và thế giới.

- Về cơ cấu, còn thiếu nghiêm trọng các nhà khoa học giỏi, nhà khoa học đầu ngành, thiếu những chuyên gia, nhà khoa học đủ tầm dẫn dắt, định hướng phát triển KH&CN đất nước; thiếu đội ngũ kế cận; chưa có nhiều tập thể khoa học mạnh, có uy tín

<sup>7</sup> Bộ Khoa học và Công nghệ: *KH&CN Việt Nam 2017*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội-2018.

<sup>8</sup> Nguồn: World Bank.

<sup>9</sup> Mục tiêu đặt ra trong Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020: Đến năm 2015, số cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 9 - 10 người trên một vạn dân, đến năm 2020 là 11-12 người trên một vạn dân.

<sup>10</sup> Theo cơ sở dữ liệu Scopus, tổng số công bố KH&CN của Việt Nam giai đoạn 2012-2017 là 27.453 bài, với tỷ lệ tăng hằng năm khoảng trên 10%. Tuy nhiên, trong ASEAN, Việt Nam chỉ đứng thứ 5 về tổng số công bố quốc tế giai đoạn 2012-2017 và chỉ bằng 1/2 nước đứng thứ 4 là Indonesia, 1/3 của nước đứng thứ 3 là Thái Lan và bằng khoảng 1/6 công bố của nước đứng đầu khu vực là Malaysia.

<sup>11</sup> Trong gần chục năm qua, số đơn đăng ký sáng chế của người Việt Nam tăng chậm, duy trì trong khoảng 10% tổng số đơn đăng ký bảo hộ sáng chế ở Việt Nam. Tỷ lệ số bằng độc quyền sáng chế được cấp cho người Việt Nam còn thấp hơn, cao nhất là năm 2017 cũng chỉ bằng 6,2% tổng số bằng được cấp. Đối với giải pháp hữu ích, số lượng đơn đăng ký của người Việt Nam cao hơn so với người nước ngoài. Tuy nhiên, sự gia tăng số đơn đăng ký qua các năm là không đáng kể, thậm chí năm 2017 còn giảm so với năm 2016.

ở khu vực và quốc tế. Đây được xem là hạn chế lớn nhất trong đội ngũ nhân lực KH&CN nước ta. Bên cạnh đó, cơ cấu về ngành nghề, độ tuổi, giới tính,... còn bất hợp lý. Tinh thần hợp tác nghiên cứu và kỹ năng làm việc nhóm của đội ngũ nhân lực KH&CN còn yếu đã gây ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả hoạt động của đội ngũ nhân lực KH&CN.

Những hạn chế về đội ngũ nhân lực KH&CN ở nước ta đề cập trên đây đã tồn tại từ rất nhiều năm qua, song cho đến nay vẫn chưa được khắc phục, mặc dù Nhà nước rất quan tâm và đã có nhiều biện pháp, chính sách ưu đãi, đầu tư cho đội ngũ nhân lực KH&CN. Trong số những chính sách phát triển đội ngũ nhân lực đã được ban hành, nhiều chính sách dành cho nhân lực KH&CN trình độ cao như: chính sách đối với nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học trẻ tài năng, nhà khoa học chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia đặc biệt quan trọng, song những chính sách này dường như vẫn chưa được triển khai đồng bộ và chưa phát huy hiệu quả.

Với những luận giải nêu trên về cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước theo Quyết định 2395/QĐ-TTg ngày 25/12/2015. Đề án này nhằm thực hiện nhiệm vụ về đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài được quy định tại Luật KH&CN và Nghị định số 40/2014/NĐ-CP.

Điểm nổi bật của Đề án 2395 là hướng tới nhóm nhân lực KH&CN tinh túy, nhóm nhân lực dẫn đầu có vai trò định hướng, dẫn dắt, đào tạo và phát triển đội ngũ nhân lực KH&CN nói chung của cả nước. Đặc biệt hơn, Đề án đã quan tâm đến phát triển đội ngũ nhân lực KH&CN trong khu vực doanh nghiệp. Đây là vấn đề đến nay dường như vẫn đang bị bỏ ngỏ. Ngoài ra, Đề án còn hướng tới phát triển nhóm nghiên cứu mạnh làm nòng cốt để giải quyết những vấn đề KH&CN khó khăn, phức tạp và nhóm nhân lực quản lý KH&CN. Với mục tiêu đó, Đề án 2395 là một trong các chính sách đột phá nhằm khắc phục những hạn chế đang tồn tại trong đội ngũ nhân lực KH&CN hiện nay.

## **2. Quan điểm, triết lý đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN của Đề án 2395**

- Đầu tư cho KH&CN là đầu tư cho phát triển, trong đó nhân lực KH&CN nói chung, nhân lực KH&CN trình độ cao nói riêng giữ vai trò quyết định.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng để hình thành và phát triển đội ngũ chuyên gia KH&CN tài năng, có trình độ chuyên môn sâu, có khả năng định hướng cho sự phát triển KH&CN của đất nước; tạo nguồn để phát triển thành nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư.

Trên thực tế, đây là đội ngũ nhân lực dẫn đầu. Vị trí của nhóm nhân lực KH&CN dẫn đầu, nhà khoa học đầu ngành là đại diện cho một hướng nghiên cứu, có khả năng định hướng cho sự phát triển, lãnh đạo một lĩnh vực KH&CN của đất nước, nên vai trò cá nhân của họ gắn liền với chức năng tổ chức hoạt động khoa học, lãnh đạo khoa học, lãnh đạo nhóm nghiên cứu. Ngoài ra, nhà khoa học đầu ngành còn có vai trò rất quan trọng trong dẫn dắt, đào tạo đội ngũ. Việc ưu tiên đầu tư cho nhóm nhà khoa học dẫn đầu sẽ có tác động lan tỏa cho cả đội ngũ cán bộ KH&CN, phù hợp với quy luật kinh tế, quy luật về hiệu quả, kinh nghiệm quốc tế, lịch sử KH&CN Việt Nam trước đây cũng như hoàn

cạnh, nhu cầu phát triển KH&CN hiện nay. Thực tế cho thấy, những đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội cũng phần lớn do nhóm nhà khoa học tài năng tạo ra, trên cơ sở những đóng góp chung của cả đội ngũ nhân lực KH&CN. Cách đầu tư này tương tự mô hình “đàn nhạn bay”<sup>12</sup>. Theo quan điểm của lý thuyết Đàn nhạn bay, nếu sử dụng hợp lý và đầu tư, hỗ trợ tập trung cho một nhóm nhỏ có trình độ cao nhất, chúng ta cũng có thể tạo nên một sự thay đổi lớn. Khi đó việc tập trung đầu tư, ưu đãi cho nhóm chuyên gia KH&CN, nhà khoa học đầu đàn với vai trò dẫn dắt lực lượng KH&CN thực chất là đầu tư cho cả đội ngũ. Điều đó cho thấy, nên tập trung phát triển những nhóm nhân lực tinh túy, dẫn đầu.

- Phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh, có đủ năng lực giải quyết các nhiệm vụ KH&CN quan trọng của ngành, lĩnh vực.

Nhóm nghiên cứu là một tập thể các cá nhân hoạt động KH&CN cùng tiến hành một nhiệm vụ nghiên cứu hoặc cùng theo đuổi một hướng khoa học nhất định. Dẫn dắt nhóm nghiên cứu là người có năng lực chuyên môn sâu, có khả năng tổ chức hoạt động nghiên cứu, chịu trách nhiệm chính về định hướng nghiên cứu của nhóm, thường là các nhà khoa học đầu ngành.

Sự hình thành các nhóm nghiên cứu xuất phát từ đặc thù của hoạt động nghiên cứu khoa học, vì đây là hoạt động mang tính sáng tạo và có nhiều rủi ro, đòi hỏi phải có sự kết hợp trí tuệ từ các nhà nghiên cứu có trình độ chuyên môn liên quan để thực hiện những vấn đề nghiên cứu nhất định. Khi làm việc theo nhóm sẽ phát huy được tính sáng tạo cao từ việc phối hợp từ các sáng tạo đơn lẻ của các thành viên, kết hợp sử dụng các thế mạnh để khắc phục điểm yếu của mỗi cá nhân trong xử lý những tình huống phức tạp. Hiệu quả làm việc của nhóm nghiên cứu là hiệu quả của sự kế thừa và lũy tiến. Nếu các nhà nghiên cứu hợp tác để làm việc cùng nhau thì hiệu quả chung sẽ tăng lên rất nhiều so với làm việc theo mục tiêu của từng cá nhân và sẽ được lũy tiến theo thời gian. Vì khi đó, thế mạnh của từng nhà nghiên cứu sẽ được phát huy tối đa theo sự cộng hưởng lẫn nhau, còn điểm yếu lại được bù đắp.

Với ưu thế làm việc theo nhóm, trên thế giới hiện nay, nhóm nghiên cứu được hình thành và phát triển mạnh trong nhiều trường đại học và viện nghiên cứu. Đây được xem là hình thức tổ chức phổ biến để tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo sau đại học. Phù hợp với xu hướng quốc tế, tại Việt Nam, hình thức tổ chức các nhóm nghiên cứu đã xuất hiện rất phổ biến trong nhiều trường đại học và viện nghiên cứu. Kinh nghiệm quốc tế và Việt Nam cho thấy đây là hình thức tổ chức mang lại hiệu quả cao cho nghiên cứu khoa học, thúc đẩy gắn kết giữa nghiên cứu với đào tạo.

Việc đào tạo, bồi dưỡng nhóm nghiên cứu làm việc trong các tổ chức KH&CN, trường đại học, doanh nghiệp nhằm nâng cao khả năng phối hợp giữa các thành viên

<sup>12</sup> Theo Michael Eskew, ông chủ của tập đoàn United Parcel Service Eskew, cho rằng, đàn chim bay hình chữ V như một mũi tên, có một con chim dẫn đầu, những con bay theo sau đều bay theo một trật tự sắp xếp nhất định, không có sự hỗn loạn. Có như vậy đàn chim mới tạo ra được một tốc độ nhanh nhất, con đi trước không che tầm nhìn của con đi sau. Những con bay sau vẫn luôn quan sát được đường dẫn của con bay đầu đàn.

nhóm dưới sự chủ trì, dẫn dắt của Trưởng nhóm để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ KH&CN. Thông qua các hoạt động của nhóm hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, đủ năng lực quản lý và giải quyết những nhiệm vụ KH&CN quan trọng, quy mô lớn; phát triển, làm chủ công nghệ hoặc đạt tới trình độ nghiên cứu, quản lý cập nhật với trình độ của khu vực và thế giới.

### **3. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN**

- Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực KH&CN gắn kết chặt chẽ với thu hút và sử dụng, có sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các cấp, giữa trung ương và địa phương.

- Đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN.

- Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng phải được xác định cụ thể để có các chính sách phù hợp. Đào tạo, bồi dưỡng có trọng tâm, trọng điểm nhằm phát huy hiệu quả nguồn lực đầu tư; tập trung đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN thuộc các lĩnh vực KH&CN ưu tiên, trọng điểm, công nghệ mới.

- Nội dung, hình thức đào tạo, bồi dưỡng phải xuất phát từ nhu cầu công việc, gắn với đòi hỏi do nhiệm vụ KH&CN đặt ra. Đào tạo, bồi dưỡng phải gắn với hiệu quả sử dụng và lấy đó làm thước đo hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng.

### **4. Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN**

Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN theo Đề án 2395 nhằm:

- Góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng của đội ngũ nhân lực KH&CN;

- Nâng cao khả năng nghiên cứu, tiếp thu, làm chủ, phát triển công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, hiện đại của đội ngũ nhân lực KH&CN;

- Hình thành lực lượng chuyên gia KH&CN trình độ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

### **5. Hình thức đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN**

Đề án 2395 thực hiện 4 hình thức đào tạo, bồi dưỡng:

#### *5.1. Đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia*

Tuyển chọn các chuyên gia thuộc cơ sở dữ liệu chuyên gia KH&CN do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành đi đào tạo, bồi dưỡng thông qua làm việc có thời hạn hoặc triển khai nhiệm vụ nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu hoặc doanh nghiệp ở nước ngoài, nhằm hình thành đội ngũ chuyên gia KH&CN có trình độ chuyên môn sâu, có kỹ năng nghiên cứu và triển khai những vấn đề khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến, hiện đại của khu vực và thế giới; tạo nguồn để phát triển thành nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng không quá 02 năm.

## 5.2. Đào tạo, bồi dưỡng theo nhóm

Tuyển chọn các nhóm nghiên cứu hình thành từ viện nghiên cứu, phòng thí nghiệm, trường đại học hoặc doanh nghiệp đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài, thông qua triển khai nhiệm vụ nghiên cứu, nhằm hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, có đủ năng lực giải quyết các nhiệm vụ KH&CN quan trọng của ngành, lĩnh vực.

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng không quá 06 tháng.

## 5.3. Bồi dưỡng sau tiến sỹ

Tuyển chọn nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có trình độ tiến sỹ, đang làm việc tại các viện nghiên cứu, trường đại học hoặc doanh nghiệp đi bồi dưỡng ở trong nước hoặc nước ngoài, thông qua triển khai nhiệm vụ nghiên cứu, nhằm phát triển và hoàn thiện kỹ năng nghiên cứu và triển khai; tạo nguồn để hình thành chuyên gia trong các lĩnh vực KH&CN.

Thời gian bồi dưỡng không quá 02 năm.

## 5.4. Bồi dưỡng nhân lực quản lý KH&CN

Tuyển chọn nhân lực quản lý KH&CN của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức KH&CN và doanh nghiệp đi bồi dưỡng ở trong nước hoặc nước ngoài, thông qua các khóa học chuyên đề hoặc các hình thức thiết thực khác, nhằm bổ sung kiến thức, kỹ năng quản lý KH&CN, quản lý đổi mới sáng tạo.

Thời gian bồi dưỡng không quá 03 tháng.

## 6. Đối tượng tham gia đào tạo, bồi dưỡng

Đối tượng của Đề án là cá nhân hoạt động KH&CN, bao gồm:

- Cá nhân hoạt động KH&CN, nhóm nghiên cứu đang công tác tại các tổ chức KH&CN và doanh nghiệp tại Việt Nam (Áp dụng đối với hình thức đào tạo nêu tại mục 5.1, 5.2, 5.3).

- Nhân lực quản lý KH&CN đang công tác tại cơ quan, đơn vị quản lý KH&CN thuộc Bộ, ngành, địa phương, tổ chức KH&CN và doanh nghiệp tại Việt Nam (Áp dụng đối với hình thức đào tạo nêu tại mục 5.4).

## 7. Lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng

Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực cho các lĩnh vực KH&CN, trong đó tập trung vào các lĩnh vực công nghệ ưu tiên, công nghệ mới<sup>13</sup>, công nghệ cao<sup>14</sup> được xác định theo chiến lược, kế hoạch phát triển KH&CN trong từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2020, các lĩnh vực công nghệ ưu tiên được xác định theo Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011- 2020, gồm: công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới; công nghệ chế tạo máy - tự động hóa; công nghệ môi trường.

## **8. Cơ hội đối với người tham gia đào tạo, bồi dưỡng**

Cá nhân hoạt động KH&CN tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án 2395 sẽ có những cơ hội sau:

- Cơ hội tham gia học tập, làm việc với các chuyên gia Việt Nam, chuyên gia nước ngoài có uy tín, giàu kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn cao;
- Cơ hội tiếp cận làm việc trong các lĩnh vực công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trên thế giới;
- Được làm việc trong môi trường học tập, môi trường nghiên cứu khoa học, chuyên nghiệp; cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại sẽ tạo điều kiện khuyến khích phát triển khả năng sáng tạo;
- Cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp;
- Được nhận các giấy chứng nhận kết thúc chương trình đào tạo, bồi dưỡng do các cơ sở đào tạo có uy tín ở trong và ngoài nước cấp.

## **9. Quản lý Đề án**

Việc thực hiện Đề án 2395 được thực hiện theo Thông tư 13/2016/TT-BKH&CN ngày 30/6/2016 quy định quản lý Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước và Thông tư 88/2017/TT-BTC ngày 22/8/2017 hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước.

Thông tư 13/2016/TT-BKH&CN quy định về: hình thức, mục tiêu, lĩnh vực, nội dung, thời gian đào tạo, bồi dưỡng; các điều kiện tham gia dự tuyển đào tạo, bồi dưỡng; tiêu chí tuyển chọn người đi đào tạo, bồi dưỡng; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người tham gia đào tạo, bồi dưỡng;...

Thông tư 88/2017/TT-BTC quy định về: nguồn kinh phí; nguyên tắc hỗ trợ, sử dụng kinh phí; các nội dung và định mức chi cho đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và ở nước ngoài; thanh, quyết toán kinh phí; bồi hoàn kinh phí;...

## **10. Lộ trình thực hiện**

### *10.1. Giai đoạn 2016-2020*

- Đào tạo, bồi dưỡng khoảng 150 chuyên gia ở nước ngoài;
  - Đào tạo, bồi dưỡng khoảng 50 nhóm nghiên cứu ở nước ngoài;
  - Bồi dưỡng sau tiến sỹ cho khoảng 100 người ở trong nước và nước ngoài;
- Bồi dưỡng khoảng 200 cán bộ quản lý KH&CN ở trong nước và nước ngoài.

<sup>13</sup> “Công nghệ mới là công nghệ lần đầu tiên được tạo ra tại Việt Nam” (Luật Chuyển giao công nghệ năm 2006).

<sup>14</sup> Lĩnh vực công nghệ cao ưu tiên hiện nay được xác định theo Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.

## 10.2. Giai đoạn 2021-2025

- Đào tạo, bồi dưỡng khoảng 200 chuyên gia ở nước ngoài;
- Đào tạo, bồi dưỡng khoảng 80 nhóm nghiên cứu ở nước ngoài;
- Bồi dưỡng sau tiến sỹ cho khoảng 200 người ở trong nước và nước ngoài;
- Bồi dưỡng khoảng 300 cán bộ quản lý KH&CN ở trong nước và nước ngoài.

## 11. Cơ quan thường trực triển khai Đề án

Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (VISTI) được Bộ Khoa học và Công nghệ giao là cơ quan thường trực để giúp quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Đề án 2395. Học viện có nhiệm vụ là đầu mối xây dựng kế hoạch hàng năm của Đề án 2395; tiếp nhận các hồ sơ đăng ký dự tuyển; xử lý hồ sơ để trình Bộ KH&CN tổ chức đánh giá hồ sơ dự tuyển thông qua Hội đồng tuyển chọn; tham gia Hội đồng tuyển chọn (Phó Chủ tịch và Thư ký). Học viện là đầu mối phối hợp với cơ quan quản lý người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng để quản lý người đi đào tạo, bồi dưỡng; là đầu mối thương thảo và ký kết hợp đồng với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước; là đầu mối cấp phát và thanh toán kinh phí cho cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và cho người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước.

*Địa chỉ liên hệ:*

Học viện Khoa học Công nghệ và Đổi mới sáng tạo  
38 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Hotline: 0963.608.208; ĐT: 024.38259.234; Fax: 024.38252.873

Email: [visti@most.gov.vn](mailto:visti@most.gov.vn); Website: [www.visti.gov.vn](http://www.visti.gov.vn)

Fanpage: <https://www.facebook.com/visti38/>

---